

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bộ tiêu chí và hướng dẫn đánh giá chấm điểm,
công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm,
an toàn thực phẩm nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 17/2021/QĐ-UBND ngày 24/8/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân công, phân cấp quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa ban hành kèm theo Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Kế hoạch số 259/KH-UBND ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Kết luận số 624-KL/TU ngày 04/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh đến năm 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh (kèm theo Văn bản số 203/VPĐP-NV&TT ngày 30/9/2022 của Văn phòng Điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí và hướng dẫn đánh giá chấm điểm, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng UBND tỉnh chỉ đạo các đơn vị trực thuộc có liên quan tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh thành lập, kiện toàn Tổ thẩm định xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao (sau đây gọi tắt là Tổ thẩm định); tiếp nhận hồ sơ, tổng hợp, trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao; định kỳ, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện theo quy định, đề xuất giải pháp kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có).

2. Các sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương theo dõi, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện các tiêu chí liên quan đến lĩnh vực, phạm vi quản lý thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao; cử công chức có trình độ, kiến thức chuyên môn phù hợp tham gia là thành viên Tổ thẩm định.

3. Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí hàng năm cho công tác thẩm định, kiểm tra, hướng dẫn xây dựng, duy trì xã đạt tiêu chí an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội chỉ đạo Mặt trận tổ quốc và tổ chức cấp hội các cấp tăng cường các hoạt động giám sát, phản biện đối với việc thực thi pháp luật về sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cùng với chính quyền các cấp tham gia xây dựng, duy trì xã đạt tiêu chí an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao.

5. Tổ thẩm định tổ chức thẩm định và đánh giá chấm điểm thực tế mức độ đạt từng tiêu chí an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao của từng xã, phường, thị trấn; kiểm tra, hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn thực hiện xây dựng, duy trì đạt tiêu chí an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao theo quy định.

6. UBND các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn các đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn UBND các xã, phường, thị trấn xây dựng, duy trì đạt tiêu chí an toàn thực phẩm, an toàn thực phẩm nâng cao.

7. UBND các xã, phường, thị trấn chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các nội dung theo Quyết định này. Đối với các xã, phường, thị trấn đã được Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận đạt tiêu chí an toàn thực phẩm trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành, UBND các xã, phường, thị trấn chủ động rà soát, hoàn thiện các tiêu chí an toàn thực phẩm theo các tiêu chí ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Công Thương, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Thành viên Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh (215/QĐ-UBND ngày 18/01/2021; 1827/QĐ-UBND ngày 27/5/2022);
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, NN, VPĐPATTP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đầu Thanh Tùng

BỘ TIÊU CHÍ VÀ HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHẤM ĐIỂM, CÔNG NHẬN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ĐẠT TIÊU CHÍ AN TOÀN THỰC PHẨM, AN TOÀN THỰC PHẨM NÂNG CAO TỈNH THANH HÓA, GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

PHẦN I. BỘ TIÊU CHÍ AN TOÀN THỰC PHẨM, AN TOÀN THỰC PHẨM (ATTP) NÂNG CAO

TT	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn đánh giá, chấm điểm		Tổng điểm tối đa	
		Tài liệu chứng minh	Chấm điểm	Tiêu chí ATTP	Tiêu chí ATTP nâng cao
I	CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH			23	25
1	Tổ chức bộ máy			4	4
1.1	Thành lập/kiện toàn Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh ATTP (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo).	Quyết định thành lập và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chỉ đạo; Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo (nếu có).	- Thực hiện đúng và kịp thời theo quy định: 2 điểm. - Thực hiện đúng nhưng không kịp thời: 1 điểm.	2	2
1.2	Thành lập/kiện toàn Tổ giám sát/Tổ tự quản cộng đồng thôn, bản, phố về ATTP (sau đây gọi tắt là Tổ giám sát).	Quyết định thành lập Tổ giám sát; Quyết định kiện toàn (nếu có).	- Thực hiện không đúng quy định/Không thực hiện: 0 điểm.	2	2
2	Thể chế, kế hoạch			6	6
2.1	Ban hành Quy chế, kế hoạch hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ giám sát.	- Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ giám sát. - Kế hoạch hoạt động hàng năm của Ban Chỉ đạo có đưa giải pháp thực hiện nhiệm vụ; Kế hoạch hoạt động năm (có chi tiết nhiệm vụ hàng tháng) của Tổ giám sát.	- Ban hành đầy đủ: 2 điểm. - Ban hành không đầy đủ: 1 điểm. - Không ban hành: 0 điểm.	2	2

TT	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn đánh giá, chấm điểm		Tổng điểm tối đa	
		Tài liệu chứng minh	Chấm điểm	Tiêu chí ATTP	Tiêu chí ATTP nâng cao
2.2	Nghị quyết hoặc Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương có mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về công tác bảo đảm ATTP.	Nghị quyết của HĐND hoặc kế hoạch của UBND về phát triển kinh tế - xã hội hàng năm có mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể về công tác bảo đảm ATTP.	<ul style="list-style-type: none"> - Có mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể: 02 điểm; - Có mục tiêu, chỉ tiêu nhưng không cụ thể: 1 điểm - Không có mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể: 0 điểm. 	2	2
2.3	Chương trình phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể về tuyên truyền, vận động sản xuất, kinh doanh thực phẩm chất lượng, bảo đảm ATTP.	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành Chương trình phối hợp hoặc kế hoạch giai đoạn 2022-2025, trong đó có nhiệm vụ cụ thể hàng năm để triển khai thực hiện - Báo cáo kết quả thực hiện của UBMTTQ cùng cấp; trường hợp UBND xã trình thẩm định trong quý 3,4 thì bổ sung báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành đầy đủ: 02 điểm. - Ban hành không đầy đủ: 1 điểm. - Không ban hành: 0 điểm. 	2	2
3	Kết quả hoạt động			12	12
3.1	Ban Chỉ đạo, Tổ giám sát hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất của Ban Chỉ đạo có kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch hoạt động. - Biên bản họp hoặc sổ ghi chép giao ban định kỳ hàng quý của Ban Chỉ đạo và hàng tháng của Tổ giám sát. 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đầy đủ: 3 điểm; báo cáo không đầy đủ hoặc không có kết quả thực hiện nhiệm vụ: 2 điểm; Không có báo cáo: 0 điểm. - Biên bản họp đầy đủ: 3 điểm; Biên bản họp không đầy đủ hoặc có biên bản nhưng không có kết quả 	6	6

TT	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn đánh giá, chấm điểm		Tổng điểm tối đa	
		Tài liệu chứng minh	Chấm điểm	Tiêu chí ATTP	Tiêu chí ATTP nâng cao
			thực hiện nhiệm vụ: 2 điểm; Không có biên bản họp: 0 điểm.		
3.2	Thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao về công tác bảo đảm ATTP.	<ul style="list-style-type: none"> - UBND xã có các văn bản triển khai đầy đủ, kịp thời và thực hiện hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ của cấp trên giao; - Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao của UBND xã. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành 100% các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về số lượng, chất lượng và tiến độ: 6 điểm; - Hoàn thành nhưng không đảm bảo về số lượng, chất lượng, tiến độ: 4 điểm; - Không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao: 0 điểm 	6	6
4	Thường xuyên cập nhật đầy đủ nội dung thông tin lên phần mềm “Hệ thống thông tin quản lý nhà nước về ATTP tỉnh” theo quy định.	Cập nhật đầy đủ thông tin lên phần mềm Hệ thống thông tin quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo đúng quy định tại Điều 7 Quy chế quản lý, sử dụng hệ thống thông tin quản lý nhà nước về ATTP trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 27/02/2019 của UBND tỉnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên cập nhật đầy đủ thông tin: 3 điểm. - Cập nhật nhưng chưa đầy đủ thông tin: 1 điểm. - Không cập nhật thông tin: 0 điểm 	1	3
II	THÔNG TIN, TUYÊN TRUYỀN, TẬP HUẤN			17	17
5	Tổ chức thông tin, tuyên truyền về ATTP trên hệ thống đài truyền thanh hoặc các	- Chủ trì triển khai xây dựng, cấp phát, tổ chức đa dạng các hình	- Chủ trì triển khai: + Từ 6 hình thức truyền	8	8

TT	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn đánh giá, chấm điểm		Tổng điểm tối đa	
		Tài liệu chứng minh	Chấm điểm	Tiêu chí ATTP	Tiêu chí ATTP nâng cao
	hình thức tuyên truyền khác.	<p>thức truyền thông: Phát thanh, băng rôn/khẩu hiệu, tờ rơi, pano, đĩa, tin/bài trên Trang điện tử, mạng xã hội,...</p> <p>- Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện trên địa bàn.</p>	<p>thông trở lên: 6 điểm; + Từ 4 đến 5 hình thức: 4 điểm; + Từ 2 đến 3 hình thức: 2 điểm; + Không triển khai: 0 điểm. - Phối hợp: + Triển khai ít nhất 2 hình thức: 2 điểm; + Triển khai 1 hình thức: 1 điểm; + Không triển khai: 0 điểm.</p>		
6	Tổ chức các hội nghị tập huấn, phổ biến kiến thức về ATTP cho cán bộ quản lý, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.	<p>- Chủ trì: Kế hoạch, Giấy mời, tài liệu tập huấn, danh sách tham gia, báo cáo kết quả và các tài liệu chứng minh khác.</p> <p>- Phối hợp: Văn bản, danh sách tham gia, tài liệu tập huấn.</p>	<p>- Chủ trì triển khai cho các đối tượng liên quan do UBND xã quản lý: + 100% : 5 điểm; + Từ 75% đến dưới 100%: 3 điểm; + Từ 50% đến dưới 75%: 2 điểm; + Từ 25% đến dưới 50%: 1 điểm; + Không triển khai: 0 điểm. - Phối hợp triển khai: + ít nhất 2 hội nghị: 2 điểm; + 1 hội nghị: 1 điểm; + Không triển khai: 0 điểm.</p>	7	7

TT	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn đánh giá, chấm điểm		Tổng điểm tối đa	
		Tài liệu chứng minh	Chấm điểm	Tiêu chí ATTP	Tiêu chí ATTP nâng cao
7	Thực hiện công khai vi phạm pháp luật về ATTP; biểu dương, khen thưởng các gương điển hình tiên tiến trong công tác bảo đảm ATTP.	<p>- Công khai các cơ sở có hành vi vi phạm pháp luật về ATTP bằng các hình thức phù hợp: Báo cáo, công văn, văn bản phê duyệt của các cấp có thẩm quyền yêu cầu công khai, tin/bài tuyên truyền, giấy tờ liên quan khác.</p> <p>- Biểu dương, khen thưởng: các tin/bài truyền thông, quyết định khen thưởng hoặc hình thức khen thưởng khác kèm tài liệu liên quan.</p>	<p>- Thực hiện công khai đúng và đầy đủ theo quy định: 1 điểm; có thực hiện nhưng chưa đầy đủ: 0,5 điểm; không thực hiện: 0 điểm.</p> <p>- Thực hiện biểu dương đúng và đầy đủ theo quy định: 1 điểm; có thực hiện nhưng chưa đầy đủ: 0,5 điểm; không thực hiện: 0 điểm.</p> <p>* Đối với xã xây dựng đạt tiêu chí ATTP: Nếu không có vi phạm, biểu dương thì không đánh giá nội dung này và đạt điểm tối đa.</p> <p>* Đối với xã xây dựng đạt tiêu chí ATTP nâng cao: Thực hiện nội dung biểu dương, khen thưởng hoặc cả 02 nội dung trên,</p>	2	2
III	CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH		21	24	
8	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP có giấy chứng nhận cơ sở đủ	- Danh sách thống kê đầy đủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định tại Điều 11 Nghị	<p>- 100%: 6 điểm;</p> <p>- Từ 80% đến dưới 100%: 4 điểm.</p> <p>- Từ 60% đến dưới 80%: 3 điểm.</p>	6	6

TT	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn đánh giá, chấm điểm		Tổng điểm tối đa	
		Tài liệu chứng minh	Chấm điểm	Tiêu chí ATTP	Tiêu chí ATTP nâng cao
	điều kiện ATTP theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Danh sách thống kê đầy đủ các cơ sở dịch vụ ăn uống được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định; - Bản phô tô giấy chứng nhận còn hiệu lực. - Kết quả kiểm tra thực tế của thành viên Tổ thẩm định. 	- Dưới 60%: 0 điểm.		
9	Tỷ lệ cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP tuân thủ các yêu cầu về điều kiện bảo đảm ATTP tương ứng.	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách thống kê các cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn hoặc Bản phô tô Biên bản kiểm tra của các Đoàn kiểm tra hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về ATTP kết luận tuân thủ các quy định (nếu có). - Kết quả kiểm tra thực tế của thành viên Tổ thẩm định. 	<ul style="list-style-type: none"> - 100%: 6 điểm - Từ 80% đến dưới 100%: 4 điểm. - Từ 60% đến dưới 80%: 3 điểm. - Dưới 60%: 0 điểm. 	6	6
10	Yêu cầu về Chợ kinh doanh thực phẩm (đối với xã có chợ nằm trong quy hoạch)	- Chợ kinh doanh thực phẩm được cơ quan có thẩm quyền thông báo	* Xây dựng chợ kinh doanh thực phẩm:	6	6

TT	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn đánh giá, chấm điểm		Tổng điểm tối đa	
		Tài liệu chứng minh	Chấm điểm	Tiêu chí ATTP	Tiêu chí ATTP nâng cao
	hoặc Cửa hàng kinh doanh thực phẩm (đối với xã không có chợ nằm trong quy hoạch).	<p>tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn hoặc công nhận chợ kinh doanh thực phẩm đối với chợ tạm.</p> <p>- Biên bản kiểm tra của Đoàn kiểm tra do Sở Công Thương thành lập (đối với chợ hạng 1, hạng 2, chợ tạm); do UBND cấp huyện thành lập (đối với chợ hạng 3) đánh giá duy trì các tiêu chí theo Tiêu chuẩn 11856:2017 hoặc Chợ tạm.</p> <p>- Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cho cửa hàng còn hiệu lực; Biên bản kiểm tra của các đoàn kiểm tra từ cấp huyện trở lên đánh giá đạt hoặc kết luận tuân thủ các quy định về ATTP còn hiệu lực. Cửa hàng phải thường xuyên duy trì liên tục các quy định.</p> <p>- Kết quả kiểm tra thực tế của thành viên Tổ thẩm định.</p>	<p>- Đối với xã xây dựng đạt tiêu chí ATTP: Chợ có Thông báo tiếp nhận hồ sơ hoặc Quyết định công nhận chợ tạm.</p> <p>- Đối với xã xây dựng đạt tiêu chí ATTP nâng cao:</p> <p>- Chợ đã có thông báo tiếp nhận hồ sơ hoặc công nhận chợ tạm và đoàn kiểm tra đánh giá duy trì các tiêu chí: 6 điểm</p> <p>- Chợ đã có thông báo tiếp nhận hồ sơ hoặc công nhận chợ tạm và đoàn kiểm tra yêu cầu khắc phục các lỗi vi phạm: 3 điểm.</p> <p>- Chợ đã có thông báo tiếp nhận hồ sơ hoặc công nhận chợ tạm và đoàn kiểm tra kết luận không duy trì các tiêu chí: 0 điểm.</p> <p>* Xây dựng cửa hàng kinh doanh thực phẩm:</p> <p>- Đối với xã xây dựng đạt tiêu chí ATTP: Cửa hàng đã được cấp Giấy chứng</p>		

TT	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn đánh giá, chấm điểm		Tổng điểm tối đa	
		Tài liệu chứng minh	Chấm điểm	Tiêu chí ATTP	Tiêu chí ATTP nâng cao
			<p>nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP hoặc tuân thủ các yêu cầu về điều kiện bảo đảm ATTP tương ứng và đoàn kiểm tra đánh giá đạt hoặc kết luận tuân thủ các quy định về ATTP.</p> <p>- Đối với xã xây dựng đạt tiêu chí ATTP nâng cao</p> <p>+ Cửa hàng đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP và đoàn kiểm tra đánh giá duy trì các tiêu chí: 6 điểm</p> <p>+ Cửa hàng đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện và đoàn kiểm tra yêu cầu khắc phục các lỗi vi phạm: 3 điểm.</p> <p>+ Cửa hàng không được cấp không được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện hoặc đoàn kiểm tra kết luận không duy trì: 0 điểm.</p>		
11	Tỷ lệ các cơ sở lưu giữ hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu thực phẩm và các	- Tại các cơ sở có chứng minh nguồn gốc xuất xứ như: Sổ sách	- Từ 90% trở lên: 3 điểm. - Từ 80% đến dưới 90%: 2	3	3

TT	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn đánh giá, chấm điểm		Tổng điểm tối đa	
		Tài liệu chứng minh	Chấm điểm	Tiêu chí ATTP	Tiêu chí ATTP nâng cao
	tài liệu khác về toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm bảo đảm truy xuất được nguồn gốc theo quy định.	ghi chép, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ ghi chép về việc mua/bán hàng đảm bảo truy xuất được nguồn gốc thực phẩm; thực phẩm tươi sống có nguồn gốc động vật phải có chứng nhận vệ sinh thú y; thực phẩm bao gói sẵn phải có nhãn hàng hóa với đầy đủ thông tin theo quy định, ... - Kết quả kiểm tra thực tế tại 5 đến 10 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn.	điểm. - Từ 60% đến dưới 80%: 1 điểm. - Dưới 60%: 0 điểm.		
12	Tỷ lệ sản phẩm thực phẩm thuộc diện phải công bố sản phẩm được sản xuất trên địa bàn thực hiện tự công bố sản phẩm hoặc đăng ký công bố sản phẩm.	- Danh sách thống kê các sản phẩm thực phẩm sản xuất trên địa bàn thuộc diện phải công bố sản phẩm theo quy định. - Bản Bản tự công bố sản phẩm phô tô và Ảnh chứng minh bản tự công bố đã được đăng tải theo quy định - Bản phô tô đăng ký công bố sản phẩm và Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp.	- Từ 95% trở lên: 3 điểm. - Từ 75% đến dưới 95%: 2 điểm. - Từ 50% đến dưới 75%: 1 điểm. - Dưới 50%: 0 điểm. Trường hợp trên địa bàn xã không có sản phẩm thuộc diện phải công bố thì không đánh giá nội dung này và đạt điểm tối đa.		3
IV	THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM			15	21

TT	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn đánh giá, chấm điểm		Tổng điểm tối đa	
		Tài liệu chứng minh	Chấm điểm	Tiêu chí ATTP	Tiêu chí ATTP nâng cao
13	Tỷ lệ cơ sở được thanh tra, kiểm tra			12	18
13.1	<i>Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp huyện trở lên được thanh tra, kiểm tra, thẩm định.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách thống kê cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống; - Danh sách thống kê xếp loại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; - Bản phô tô Kế hoạch kiểm tra hoặc thông báo lịch kiểm tra hoặc tài liệu khác có liên quan; - Bản phô tô Biên bản thanh tra, kiểm tra, thẩm định của các đoàn thanh tra, kiểm tra, thẩm định; - Báo cáo kết quả khắc phục (nếu có). 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 70% trở lên: 6 điểm. - Từ 50% đến dưới 70%: 3 điểm. - Từ 30% đến dưới 50%: 1 điểm. - Dưới 30%: 0 điểm. <p><i>(tiêu chí này được xem xét cộng tổng số cơ sở được kiểm tra trong 02 năm liền kề trước năm đánh giá)</i></p>	3	6
13.2	<i>Tỷ lệ cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của UBND xã được kiểm tra hàng năm.</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách thống kê cơ sở theo phân cấp quản lý của UBND xã; - Hồ sơ kiểm tra, gồm: Kế hoạch, quyết định, thông báo lịch kiểm tra, biên bản, báo cáo kết quả. 	<ul style="list-style-type: none"> - 100%: 12 điểm. - Từ 80% đến dưới 100%: 9 điểm. - Từ 60% đến dưới 80%: 6 điểm. - Từ 40% đến dưới 60%: 3 điểm. - Dưới 40%: 0 điểm. 	9	12
14	Tỷ lệ cơ sở vi phạm cam kết/có hành vi vi phạm hành chính được xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ cho cơ	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách các cơ sở vi phạm cam kết, gồm các thông tin: <i>tên cơ sở, địa chỉ, nội dung, số lần.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - 100%: 3 điểm. - Từ 75% đến dưới 100%: 2 điểm. 	3	3

TT	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn đánh giá, chấm điểm		Tổng điểm tối đa	
		Tài liệu chứng minh	Chấm điểm	Tiêu chí ATTP	Tiêu chí ATTP nâng cao
	quan có thẩm quyền xử lý vi phạm theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách các cơ sở có hành vi vi phạm, gồm các thông tin: <i>tên cơ sở, địa chỉ, hành vi vi phạm, số tiền nộp.</i> - Hồ sơ xử lý vi phạm đối với các cơ sở thuộc UBND xã quản lý, gồm: biên bản vi phạm; quyết định xử phạt; biên lai thu tiền xử phạt (nếu có); báo cáo kết quả khắc phục của cơ sở hoặc văn bản chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về ATTP (trường hợp vi phạm pháp luật về ATTP vượt quá thẩm quyền xử lý của cấp xã). 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 50% đến dưới 75%: 1 điểm. - Dưới 50%: 0 điểm. * Đối với xây dựng xã đạt tiêu chí ATTP: Đánh giá đối với các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của UBND xã. * Đối với xây dựng xã đạt tiêu chí ATTP nâng cao: Đánh giá tất cả các cơ sở trên địa bàn xã. Trường hợp trên địa bàn xã không có cơ sở có hành vi vi phạm pháp luật về ATTP thì không đánh giá nội dung này và đạt điểm tối đa. 		
V	GIÁM SÁT VÀ PHÒNG CHỐNG NGỘ ĐỘC THỰC PHẨM			6	8
15	Quản lý các vụ ngộ độc thực phẩm (NĐTP) và xử lý sự cố ATTP theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ các báo cáo NĐTP của Trạm Y tế, Trung tâm Y tế theo mẫu quy định tại Quyết định số 3081/QĐ-BYT ngày 15/7/2020 của Bộ Y tế. - Có hồ sơ thực hiện các bước điều tra (khi xảy ra NĐTP, sự cố ATTP): Liệt kê các sự cố xảy ra trên địa bàn; các văn bản chỉ đạo 	<ul style="list-style-type: none"> - Không xảy ra vụ NĐTP và sự cố ATTP: 3 điểm. - Xảy ra vụ NĐTP và thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý theo quy định: 1 điểm. - Xảy ra vụ NĐTP nhưng không thực hiện đầy đủ 	3	3

TT	Nội dung tiêu chí	Hướng dẫn đánh giá, chấm điểm		Tổng điểm tối đa	
		Tài liệu chứng minh	Chấm điểm	Tiêu chí ATTP	Tiêu chí ATTP nâng cao
		điều tra truy xuất, xử lý sự cố; thông báo kết quả xử lý sự cố,...	các biện pháp xử lý theo quy định: 0 điểm.		
16	Tỷ lệ bữa cỗ có từ 30 người ăn trở lên thực hiện ký cam kết tuân thủ các quy định về bảo đảm ATTP.	<ul style="list-style-type: none"> - Danh sách thống kê các bữa cỗ diễn ra, gồm các thông tin: tên tổ chức/cá nhân, sự kiện, địa điểm, thời gian, người giám sát, kết quả (giám sát và tuân thủ sau sự kiện). - Bản cam kết tuân thủ các quy định về bảo đảm ATTP. - Kết quả kiểm tra thực tế của thành viên Tổ thẩm định tại một số hộ gia đình đã thực hiện cam kết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 90% trở lên bữa cỗ ký cam kết và thực hiện đầy đủ nội dung: ký cam kết, tuân thủ: 3 điểm. - Từ 70% đến dưới 90% bữa cỗ ký cam kết hoặc không thực hiện một trong các nội dung: ký cam kết, tuân thủ: 2 điểm. - Từ 50% đến dưới 70% bữa cỗ ký cam kết hoặc không thực hiện một trong các nội dung: ký cam kết, tuân thủ: 1 điểm. - Dưới 50% bữa cỗ ký cam kết hoặc không thực hiện hai nội dung: ký cam kết, giám sát hoặc không tuân thủ: 0 điểm. 	3	3
17	Thực hiện xét nghiệm nhanh về ATTP tại các cơ sở được kiểm tra.	Báo cáo kết quả, số liệu xét nghiệm.	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện ít nhất trong 02 đợt kiểm tra: 2 điểm; - Thực hiện trong 01 đợt kiểm tra: 1 điểm; - Không thực hiện: 0 điểm. 		2
Tổng điểm				82	95

ĐIỂM CỘNG (5 điểm)

TT	Nội dung	Điểm	Ghi chú
1	Có quyết định khen thưởng từ UBND cấp huyện trở lên về công tác ATTP	+1	Được xem xét trong 03 năm liền kề trước năm đánh giá.
2	Có ít nhất 01 sản phẩm OCCOP (về thực phẩm) được đánh giá 3 sao trở lên và đã được cập nhật thông tin lên Trang thông tin kết nối cung cầu nông sản, thực phẩm an toàn tỉnh	+1	QĐ của UBND tỉnh công nhận
3	Thực hiện lấy mẫu sản phẩm thực phẩm chủ lực của địa phương ít nhất 02 mẫu/quý; kèm theo kết quả đánh giá.	+2	Danh sách các sản phẩm thực phẩm thực hiện lấy mẫu; Kế hoạch lấy mẫu được phê duyệt; Kết quả phân tích mẫu của địa phương; Báo cáo xử lý vi phạm; truy xuất nguồn gốc (nếu có)
4	Thực hiện xử lý cơ sở có hành vi vi phạm về ATTP.	+1	Có hồ sơ xử lý vi phạm theo quy định.

ĐIỂM TRỪ (5 điểm)

TT	Nội dung	Điểm	Ghi chú
1	Trên địa bàn xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm từ 30 người mắc trở lên hoặc có 01 trường hợp tử vong do ngộ độc thực phẩm hoặc để xảy ra các sự cố ATTP nghiêm trọng.	-4	Báo cáo vụ ngộ độc thực phẩm và văn bản liên quan. - Cơ sở để xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý cấp huyện: Trừ 3 điểm/vụ.
2	Trên địa bàn xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm từ 3 đến dưới 30 người mắc; hoặc để xảy ra các sự cố khác ATTP ít nghiêm trọng.	-3	- Cơ sở để xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của cấp xã: Trừ 2 điểm/vụ. - Cơ sở để xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý cấp tỉnh: Trừ 1 điểm/vụ.
3	Báo cáo, xử lý NĐTP chậm sau khi biết tin > 24h, không kịp thời và phối hợp không tốt	-1	

PHẦN II. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ CHẤM ĐIỂM

1. Thang điểm và cách tính điểm:

a) Thang điểm đánh giá chấm điểm, công nhận xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2022-2025 tối đa là 100 điểm. Trong đó: Điểm đạt tối đa tiêu chí ATTP là 82/100 điểm, điểm đạt tối tiêu chí ATTP nâng cao 95/100 điểm; điểm thưởng tối đa 5/100 điểm và điểm trừ tối đa 5/100 điểm.

b) Cách tính điểm: Điểm số của mỗi tiêu chí được xác định căn cứ kết quả, mức độ đạt thực tế của từng tiêu chí.

2. Yêu cầu cần phải đáp ứng:

a) Đạt từ 80% tổng điểm trở lên;

b) Tất cả các nội dung tiêu chí không bị đánh giá chấm điểm đạt **“0 điểm”**

c) Đối với xã đạt tiêu chí ATTP nâng cao phải có quyết định công nhận đạt tiêu chí ATTP.

3. Kết quả chấm điểm đánh giá:

- Xã đạt tiêu chí xã ATTP: Tự đánh giá và được thẩm tra, thẩm định đánh giá chấm điểm đạt từ **68 điểm** trở lên.

- Xã đạt tiêu chí xã ATTP nâng cao: Tự đánh giá và được thẩm tra, thẩm định đánh giá chấm điểm đạt từ **83 điểm** trở lên.

4. Ghi chú: Các nội dung mà không có điểm tối đa, thì không thực hiện đánh giá chấm điểm.

PHẦN III. TRÌNH TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤM ĐIỂM VÀ CÔNG NHẬN

1. Tự đánh giá chấm điểm

a) UBND xã tổ chức tự đánh giá chấm điểm và hoàn thiện hồ sơ trình công nhận xã đạt tiêu chí ATTP hoặc đạt tiêu chí xã ATTP nâng cao tại địa phương mình. Hồ sơ tự đánh giá phải thể hiện đầy đủ kết quả thực tế của từng tiêu chí, kèm theo các tài liệu liên quan để chứng minh kết quả thực hiện đó.

b) Hồ sơ kết quả tự đánh giá gồm có:

- Tờ trình của UBND xã đề nghị thẩm tra xã đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao.
- Báo cáo tự đánh giá chấm điểm và kết quả xây dựng xã đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao trên địa bàn xã.
- Phụ lục kết quả tự đánh giá chấm điểm đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao (*ban hành kèm theo Quyết định này*).
- Bản sao Bằng công nhận xã đạt tiêu chí ATTP kèm Quyết định công nhận của Chủ tịch UBND tỉnh (*đối với xã trình công nhận đạt tiêu chí ATTP nâng cao*).

Lưu ý: Các tài liệu chứng minh lưu tại xã phục vụ công tác thẩm tra, thẩm định (thời gian tính từ tháng 1 năm 2021 đến thời điểm thẩm định). Yêu cầu các văn bản phải ban hành qua Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc và in ấn làm tài liệu chứng minh (bao gồm cả các văn bản của Ban chỉ đạo); trường hợp; các văn bản được địa phương ban hành ký, đóng dấu đỏ thì được đánh giá chấm điểm là chưa triển khai thực hiện.

c) Hình thức gửi: Qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

d) Nơi tiếp nhận: UBND các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là huyện)

2. Tổ chức Thẩm tra đánh giá chấm điểm

a) UBND huyện tiến hành thẩm tra kết quả chấm điểm đánh giá và kết quả xây dựng xã đạt tiêu chí xã ATTP, ATTP của từng xã. Trường hợp đánh giá không đạt thì nêu rõ lý do và hướng dẫn UBND xã hoàn thiện hồ sơ để trình trong lần tiếp theo. Hoàn chỉnh hồ sơ trình UBND tỉnh tổ chức thẩm định.

b) Hồ sơ UBND huyện trình UBND tỉnh đề nghị thẩm định, gồm:

- Tờ trình của UBND huyện đề nghị thẩm định xã đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao.

- Báo cáo thẩm tra đánh giá chấm điểm và kết quả xây dựng xã đạt tiêu chí xã ATTP, ATTP nâng cao của từng xã.
- Phụ lục kết quả thẩm tra chấm điểm đánh giá tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao (*ban hành kèm theo Quyết định này*).

(Kèm theo 01 bộ hồ sơ của UBND xã).

c) Hình thức gửi: Qua hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc.

3. Tổ chức thẩm định đánh giá chấm điểm

a) Sau khi nhận được hồ sơ do UBND huyện gửi đến, Tổ Thẩm định (do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập gồm các thành viên là đại diện các sở: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh và cán bộ của các đơn vị liên quan, trong đó đồng chí Chánh Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh là Tổ trưởng) sẽ tổ chức thẩm định và đánh giá chấm điểm cụ thể thực tế mức độ đạt từng nội dung tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao của từng xã; trả lời bằng văn bản cho UBND huyện về kết quả thẩm định chấm điểm từng nội dung tiêu chí của từng xã ; xây dựng báo cáo thẩm định đánh giá chấm điểm của từng xã, gửi Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh tổng hợp.

b) Hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh công nhận, gồm:

- Tờ trình đề nghị công nhận xã đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao.
- Báo cáo thẩm định đánh giá chấm điểm và kết quả xây dựng xã đạt tiêu chí xã ATTP, ATTP nâng cao của từng xã.
- Phụ lục kết quả thẩm định chấm điểm tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao (*ban hành kèm theo Quyết định này*).
- Dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh công nhận xã đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao.

(Kèm theo 01 bộ hồ sơ, báo cáo của UBND huyện).

4. Công nhận

a) Căn cứ kết quả thẩm định đánh giá chấm điểm của Tổ thẩm định, Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh hoàn thiện hồ sơ để trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận các xã đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao.

b) Sau khi nhận được Tờ trình và hồ sơ kèm theo của Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định công nhận xã đạt tiêu chí ATTP, ATTP nâng cao.